

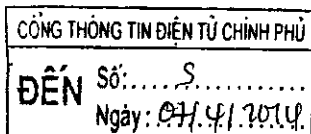
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng
tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban

nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ Tài chính (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo, Đài PTTH, Website An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. TH, TT. Công báo - Tin học.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Thế Năng

QUY ĐỊNH
Về phân cấp quản lý, sử dụng
tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang
*(ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2014/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; bao gồm trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện).
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường và thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Mọi tài sản nhà nước đều được nhà nước giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, tổ chức) quản lý, sử dụng.
2. Quản lý nhà nước về tài sản nhà nước được thực hiện thống nhất, có phân công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước.
3. Tài sản nhà nước phải được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, bảo đảm công bằng, hiệu quả, tiết kiệm.
4. Tài sản nhà nước phải được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị tài sản trong quan hệ mua, bán, thuê,

cho thuê, liên doanh, liên kết, thanh lý tài sản hoặc trong các giao dịch khác được thực hiện theo cơ chế thị trường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Tài sản nhà nước được bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ theo chế độ quy định.

6. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II **PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG** **TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Điều 4. Quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc

Thực hiện theo phân cấp quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định mua sắm tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với những tài sản có giá trị 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan. Riêng xe ô tô các loại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản (trừ phương tiện vận tải) đối với những tài sản có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có giá trị dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước

Thủ trưởng cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng quy định và chịu trách nhiệm về việc quyết định của mình.

Điều 7. Quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước

1. Thuê trụ sở làm việc:

a) Cơ quan nhà nước được thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 52/2009/NĐ-CP).

b) Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động cho các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động cho các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

2. Thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước: Thủ trưởng các cơ quan nhà nước quyết định thuê tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) để phục vụ hoạt động trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

Điều 8. Quyết định bán tài sản nhà nước

1. Các trường hợp bán tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với những tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

b) Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị bán.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

d) Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định

bán tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Các trường hợp thanh lý tài sản nhà nước được thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với những tài sản sau:

- Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh.

- Phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị thanh lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản nhà nước theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với những tài sản sau:

- Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã.

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản (trừ phương tiện vận tải) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã.

d) Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có giá trị dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Quyết định thu hồi tài sản nhà nước

1. Các trường hợp thu hồi tài sản nhà nước được thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

- Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh.

- Phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý phải thu hồi nhưng huyện không thu hồi.

b) Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị thu hồi.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản (trừ phương tiện vận tải) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

d) Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng /01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Các trường hợp điều chuyển tài sản nhà nước được thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh với cấp huyện.

- Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện khác đơn vị hành chính.

b) Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) trong phạm vi nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị điều chuyển.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (trừ phương tiện vận tải) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý.
- Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện với cấp xã.
- Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp xã khác đơn vị hành chính.

d) Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với những tài sản sau:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh.

b) Phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị tiêu hủy.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản (trừ phương tiện vận tải) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy đối với tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Chương III
PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN
NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 13. Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

1. Việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo Điều 4 và Điều 5 Chương II Quy định này.

2. Việc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định thực hiện theo Điều 5 Chương II Quy định này.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định việc mua sắm tài sản (không phải là trụ sở làm việc, xe ô tô) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ của đơn vị phù hợp với tiêu chuẩn định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 14. Quyết định bán, thanh lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

1. Việc bán, thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán, thanh lý tài sản thực hiện theo Điều 8 và Điều 9 Chương II Quy định này.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định việc bán, thanh lý tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Phương thức, trình tự, thủ tục, tổ chức bán, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 15. Quyết định sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định đối với các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết phải bảo đảm các yêu cầu: không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; sử dụng tài sản đúng mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm; phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước; thực hiện theo cơ chế thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính thực hiện theo Chương II Quy định này.

Chương IV

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP

Điều 17. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo Chương V của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Chương II Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc lập và quản lý hồ sơ đối với tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; báo cáo kê khai tài sản nhà nước; báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

b) Lập và quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

c) Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; báo cáo kê khai tài sản nhà nước; báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

b) Lập và quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

c) Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính về tình hình thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; báo cáo kê khai tài sản nhà nước; báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chịu trách nhiệm:

a) Lập và quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý; thực hiện hạch toán và báo cáo đối với tất cả tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

b) Hàng năm, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và cơ quan tài chính cùng cấp về tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; báo cáo kê khai tài sản nhà nước; báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

c) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

HÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Thế Năng